

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 42/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25/4/2025
“V/v yêu cầu ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH-TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Lưu Văn Bình**

2- Ông **Nguyễn Tấn Hưng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị Thùy Trang**. Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Ông **Phạm Hoàng Nam** - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 219/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn và yêu cầu nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 65/2025/HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Thị Nô R**, sinh năm 1993. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Nơi đăng ký thường trú: Ấp 10, xã ĐH, huyện AM, tỉnh Kiên Giang.

Nơi cư trú: Ấp TH 2, xã TL, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Lê Thiện A**, sinh năm 1988. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 10, xã ĐH, huyện AM, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 11 năm 2024 và lời khai khác trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Thị Nô R** trình bày và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Thiện A kết hôn với nhau vào năm 2013, vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã TL, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang. Trong quá trình chung sống cả hai cùng đi làm, thời gian này chị phát hiện anh Lê Thiện A ham mê cờ bạc, không quan tâm chia sẻ cùng vợ con, khi hết tiền thì về nhà kiếm chuyện chửi vợ con. Vì muốn gìn giữ gia đình nên chị cố gắng chịu đựng mong muốn anh Lê Thiện A thay đổi nhưng anh A vẫn không chịu sửa đổi, thấy hiện nay vợ chồng không hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Thiện A.

- Về con chung: Chị và anh A có 01 người con chung tên Lê Thái M, sinh ngày 15/6/2014, giới tính nam, hiện nay sinh sống cùng với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh A không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Lê Thiện A vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị Thị Nô R.

Tại phiên tòa: Chị Thị Nô R đề nghị được vắng mặt khi xét xử vụ án và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với anh A.

Anh A vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con, bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Thiện A đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều

227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Thiện A.

Chị Thị Nô R có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xét thấy việc chị R đề nghị xét xử vắng mặt là trên cơ sở tự nguyện nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX chấp nhận đề nghị của chị R để xét xử vắng mặt chị.

Do trong vụ án, các đương sự đều vắng mặt nên HĐXX thực hiện việc xét xử theo trình tự được quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị R và anh A xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được sự thống nhất của hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương và vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang vào ngày 17/12/2013 nên quan hệ hôn nhân của chị R và anh A là hợp pháp.

Chị R yêu cầu ly hôn với anh A, nguyên nhân do anh A tham gia vào tệ nạn xã hội, không chăm lo làm ăn, quan tâm đến vợ con, thường hay kiếm chuyện chửi bới vợ con làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho anh A biết về việc chị R yêu cầu ly hôn và thông báo cho anh A đến Tòa án tham gia hòa giải nhưng anh A đều vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị R.

Hội đồng xét xử nhận thấy trong cuộc sống vợ chồng giữa chị R và anh A không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau. Từ đó cho thấy hôn nhân của chị R và anh A lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX thống nhất chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị R, cho chị R được ly hôn với anh A.

- Về con chung: Chị R xác định trong thời gian chung sống chị và anh A có 01 người con chung tên Lê Thái M, sinh ngày 15/6/2014, giới tính nam, hiện nay sinh sống cùng với chị R. Khi ly hôn, chị R yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, con chung tên Lê Thái M, từ khi chị R làm đơn ly hôn với anh A cho đến nay thì cháu sống cùng với chị R. Để đảm bảo môi trường sống ổn định cho con cũng như là nguyện vọng của cháu Minh là muốn sinh sống cùng với mẹ nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị R, thống nhất giao con chung tên Lê Thái M, sinh ngày 15/6/2014, giới tính nam cho chị R nuôi dưỡng.

Do chị R không có yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không đề cập xem xét.

Anh A có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản nhưng không được lợi dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị R trình bày là chị và anh A không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Thị Nô R phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị R đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0005296 ngày 19/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Thị Nô R được ly hôn với anh Lê Thiện A.
2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Thái M, sinh ngày 15/6/2014, giới tính nam cho chị Thị Nô R tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Lê Thiện A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Thiện A có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản nhưng không được lợi dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thị Nô R xác định là chị và anh Lê Thiện A không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Thị Nô R phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị R đã nộp là

300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0005296 ngày 19/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự đều vắng mặt. Báo cho các đương sự biết, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Quốc Thịnh